BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

CỤC CHẤT LƯỢNG, CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG (NAFIQPM)

KIỂM SOÁT CHẤT GÂY Ô NHIỄM HÓA HỌC TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ NÔNG SẢN THỰC PHẨM TẠI VIỆT NAM

Hà Nội, tháng 11/2023

NỘI DUNG

I. *CÁC QUY ĐỊNH*

II. *CÔNG TÁC GIÁM SÁT*

III. *CÁC PHÒNG KIỂM NGHIỆM*

IV. *CÔNG TÁC KIỂM SOÁT VÀ CHỨNG NHẬN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM*

V. *ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ*

I. CÁC QUY ĐỊNH

1. Luật An toàn thực phẩm, hiệu lực từ 01/07/2011; Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

2. Thông tư, Quy chuẩn kỹ thuật về quản lý ATTP có liên quan đến các chất gây ô nhiễm hóa học đối với nông sản thực phẩm do Bộ Y tế ban hành:

- Giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm (TT số 24/2013)
- Giới hạn tối đa dư lượng thuốc BVTV trong thực phẩm (TT 50/2016)
- Quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm (TT 24/2019)
- QCVN 8-2:2011/BYT về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

I. CÁC QUY ĐỊNH (tiếp)

4. Về kiểm soát xuất nhập khẩu:

- Kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu (TT 48/2013).
- Giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi (TT 31/2015).
- Giám sát vệ sinh, ATTP trong thu hoạch NT2MV (TT số 33/2015).
- Giám sát an toàn thực phẩm NLTS (TT08/2016/).
- Truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm (TT 17/2021/TT-BNNPTNT).
- Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu (TT 26/2016)
- Kiểm soát động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu (TT 25/2016).
- Kiểm soát thực vật nhập khẩu dùng làm thực phẩm (TT 44/2018)

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM GIỮA CÁC BỘ

CHÍNH PHỦ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ⇄ **BỘ CÔNG THƯƠNG** ⇄ **BỘ Y TẾ**

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM GIỮA CÁC BỘ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- *Thủy sản và sản phẩm thủy sản Ngũ cốc; Thịt và các sản phẩm từ thịt; Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả; Trứng và các sản phẩm từ trứng;* ***Sữa tươi nguyên liệu****; Mật ong và các sản phẩm từ mật ong; Thực phẩm biến đổi gen; Muối.*
- *Xây dựng dự thảo QCVN hoặc dự thảo quy định mức giới hạn ATTP (ML/MRL) đối với các nhóm sản phẩm thuộc phạm vi quản lý để chuyển Bộ Y tế ban hành*

Bộ Y tế

- *Đầu mối của Chính phủ về QLNN về ATTP,*
- *Ban hành mức giới hạn ATTP*
- *Phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên; Thực phẩm chức năng .*

Bộ Công Thương: *rượu, bia, nước giải khát;* ***Sữa chế biến****; Dầu thực vật; Sản phẩm chế biến bột và tinh bột.*

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ ATTP ĐỐI VỚI NÔNG SẢN XUẤT NHẬP KHẨU TRONG BỘ NN&PTNT

BỘ NN&PTNT

- CỤC CL, CB&PTNT
- CỤC THỦY SẢN
- CỤC BVTV
- CỤC TRỒNG TRỌT
- CỤC THÚ Y
- CỤC CHĂN NUÔI

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ ATTP ĐỐI VỚI NÔNG SẢN XUẤT NHẬP KHẨU TRONG BỘ NN&PTNT

Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (NAFIQPM):

- ***Cơ quan đầu mối của Bộ NN&PTNT về QLCL, ATTP***
- ***Quản lý thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm***

Tại 63 tỉnh, thành phố đều thành lập các Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản hoặc đơn vị thuộc Sở NN&PTNT tỉnh, thành phố chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường

PHÂN CÔNG QUẢN LÝ ATTP ĐỐI VỚI NÔNG SẢN XUẤT NHẬP KHẨU TRONG BỘ NN&PTNT

Cục Bảo vệ Thực vật

- ***Quản lý thực vật và sản phẩm thực vật xuất nhập khẩu dùng làm thực phẩm***

Cục Thú y

- ***Quản lý động vật và sản phẩm thủy sản nhập khẩu, động vật và sản phẩm động vật trên cạn xuất nhập khẩu dùng làm thực phẩm***

Cục Thủy sản, Cục Trồng trọt, Cục Chăn nuôi:

- ***Quản lý công đoạn sản xuất ban đầu đối với thủy sản (khai thác, nuôi trồng); thực vật; động vật trên cạn***

Tại các tỉnh/thành phố đều thành lập các chi Cục Bảo vệ Thực vật, Thú y, Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản chịu sự hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị tương ứng thuộc Bộ

III. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT VÀ CHỨNG NHẬN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM

Công đoạn sản xuất	Đơn vị chịu trách nhiệm/ chủ trì
1. Công đoạn sản xuất ban đầu	
1.1. Sản phẩm thủy sản (nuôi trồng, đánh bắt)	Cục Thủy sản
1.2. Động vật và sản phẩm động vật trên cạn	Cục Chăn nuôi
1.3. Sản phẩm thực vật	Cục Trồng trọt
1.4. Chương trình giám sát dư lượng, Chương trình giám sát nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, sau thu hoạch	NAFIQPM, (Sở NN&PTNT)
2. Công đoạn thu gom, sơ chế, tiêu thụ nội địa	NAFIQPM, (Sở NN&PTNT)
3. Công đoạn chế biến, xuất khẩu	
1.1. Sản phẩm thủy sản (nuôi trồng, đánh bắt)	NAFIQPM
1.2. Động vật và sản phẩm động vật trên cạn	Cục Thú y
1.3. Sản phẩm thực vật	Cục BVTV
4. Công đoạn nhập khẩu	
1.1. Sản phẩm thủy sản	Cục Thú y
1.2. Động vật và sản phẩm động vật trên cạn	Cục Thú y
1.3. Sản phẩm thực vật	Cục BVTV
5. Điều tra, truy xuất nguyên nhân, khắc phục sự cố ATTP	NAFIQPM

II. Giám sát

Mục đích của các chương trình giám sát ATTP thủy sản quốc gia

- Bảo đảm kiểm soát chất lượng ATTP từ nuôi trồng, khai thác đến sơ chế, chế biến theo nguyên tắc phòng ngừa;
- Cung cấp nguồn nguyên liệu an toàn cho chế biến, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa, hạn chế thiệt hai cho người SXKD
- Là điều kiện để các sản phẩm liên quan được phép xuất khẩu vào các thị trường có yêu câu.
- Là cơ sở để đàm phán, ký kết các thoả thuận hợp tác, công nhận lẫn nhau giữa cơ quan thẩm quyền Việt Nam và các quốc gia khác về vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản.

Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi

- Thực hiện từ năm 2000.
  - Đối tượng: tôm sú, tôm chân trắng, tôm càng xanh, các loài thủy sản nuôi khác (cá tra, rô phi…)
  - Phạm vi giám sát: các cơ sở nuôi hoặc tại đại lý thu mua nguyên liệu, hoặc tại công đoạn tiếp nhận nguyên liệu của cơ sở CBTS
- Đơn vị thực hiện: Cơ quan kiểm tra: Cục và các CQ NB/TB
  - Cơ quan giám sát: các Chi cục QLCL NLTS tỉnh/thành phố
  - Đơn vị thực hiện phân tích mẫu: PKN được Bộ chỉ định của các TTV
- Đã được EU đánh giá đáp ứng yêu cầu của Liên minh Châu Âu: năm 2003, 2005, 2007, 2009, 2012, 2017.

Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi

- Các đối tượng thủy sản được giám sát

Số mẫu theo loài	Số mẫu lấy năm 2022
Cá tra (*Pangasius hypophthalmus*)	930
Cá rô phi (*Oreochromis spp*)	163
Tôm chân trắng *(Penaeus vannamei)*	1343
Tôm sú *(Penaeus monodon)*	479
Cá lóc (*Ophiocephalus striatus*)	60
Cá thát lát *(Notopterus notopterus)*	10
Cá trê *(Clarias gariepinus, Clarias macrocephalus)*	12
Cá nheo Mỹ *(Ictalurus punctatus)*	05
Cá rô đồng *(Anabas testudineus)*	02
Nước ương tôm giống	48
Cá tra bột	42
Tôm quảng canh	17
TỔNG CỘNG	**3.111**

Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi

- Phạm vi giám sát

Khu vực	Các tỉnh có vùng nuôi trong chương trình giám sát	Số vùng nuôi
Bắc bộ (8 tỉnh/thành phố)	Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh	34
Trung bộ (09 tỉnh/thành phố)	Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận	37
Nam bộ (18 tỉnh/thành phố)	Hồ Chí Minh, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Tiền Giang, Long An, Đồng Nai, Bến Tre, Tây Ninh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long	76
Tổng	**35 tỉnh/thành phố**	**147**

Chương trình giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi

➢ Chi tiêu giám sát

TT	Loại mẫu	Chỉ tiêu chỉ định phân tích
1	**Mẫu thủy sản không cho ăn, không trị bệnh**	- Nhóm các thuốc trừ sâu gốc Chlor hữu cơ (Lindan, HCB, Heptachlor, Aldrin, Dieldrin, Endrin, DDT, Chlordane). - Nhóm kim loại nặng: Pb, Hg, Cd - Chloramphenicol, dẫn xuất AOZ của Nitrofurans - Nhóm Quinolones - Nhóm thuốc nhuộm: Malachite Green/LeucoMalachite Green
2	**Mẫu thủy sản nuôi có cho ăn, có trị bệnh**	- Chloramphenicol, Nhóm Nitroimidazoles (HMMNI, IPZ, IPZ-OH, MNZ, MNZ-OH, RNZ, DMZ) và các dẫn xuất của Nitrofurans (AOZ (3-amino-2 oxazolidinone); AMOZ (3- amino - 5 morfolinomethyl-1,3 oxazolidin-one); AHD (1-aminohydantoin); SEM - Semicarbazide). - Nhóm Tetracyline (Oxytetracycline, Tetracycline, Doxycycline), Nhóm Sulfonamides (Sulfadiazine, Sulfadimidine (Sulfamethazine), Sulfamethoxazole, Sulfadimethoxine, Sulfachloropyridazine), Nhóm Quinolones (Ofloxacin, Sarafloxacin, Ciprofloxacin, Enrofloxacin, Flumequin), Trimethoprim, Florfenicol, Erythromycin, Amoxycillin, Ormetoprim, Fosfomycin, Azadirachtin. - Nhóm diệt ký sinh trùng: Ivermectin, Abamectin (Avermectin B1a), Praziquantel, Trichlorfon, Levamisol, Fenbendazol ; Trifluralin. - Nhóm các thuốc trừ sâu gốc Chlor hữu cơ (Lindan, HCB, Heptachlor, Aldrin, Dieldrin, Endrin, DDT, Chlordane, Dioxin, PCBs) - Nhóm thuốc trừ sâu Chlorpyrifos và Fipronil (đối với cá tra, cá trê, cá nheo) - Nhóm kim loại nặng: Pb, Hg, Cd - Nhóm thuốc nhuộm: Malachite Green/Leuco Malachite Green; Crystal Violet/ Leococrystal Violet (đối với cá tra, cá trê, cá nheo) Riêng đối với cá nuôi kiểm thêm: - Diethylstillbestrol - Methyltestosterone
3	**Giống/nước ương giống**	- Chloramphenicol và Furazolidone (thuộc nhóm Nitrofurans) tại cơ sở sản xuất tôm giống. - Malachite Green/Leuco Malachite Green tại cơ sở sản xuất cá giống.

Chương trình giám sát an tòan vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ

- Thực hiện từ năm 1999.
- Thực hiện trên phạm vi cả nước đối với các loài nhuyễn thể hai mảnh vỏ chính
- Đơn vị thực hiện: Cơ quan kiểm tra: Cục và các CQ NB/TB
  - Cơ quan giám sát: các Chi cục QLCL NLTS tỉnh/thành phố
  - Đơn vị thực hiện phân tích mẫu: PKN được Bộ chỉ định của các TTV
- Các chỉ tiêu vi sinh, Tảo độc, Độc tố sinh học biển, Dư lượng kim loại nặng, thuốc trừ sâu gốc chlor hữu cơ

Chương trình giám sát an tòan vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ

- Đối tượng và phạm vi giám sát:

TT	Vùng thu hoạch	Mã số vùng thu hoạch	Tỉnh	Loài
1	Tiền Hải	TH	Thái Bình	Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
2	Giao Thuỷ	GT	Nam Định	
3	Nghĩa Hưng	NH		
4	Kim Sơn	KS	Ninh Bình	Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
5	Hậu Lộc Nga Sơn	HL	Thanh Hóa	Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
6	Bình Đại	GC	Bến Tre	Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
7	Ba Tri	BD		Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
8	Thạnh Phú	BT		Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
9	Tân Thành	TP	Tiền Giang	Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
10	Duyên Hải	DH	Trà Vinh	Nghêu Bến Tre *(Meretrix lyrata)*
11	Cầu Ngang	CN		
12	Hiệp Thạnh	HT		
13	Bà Lụa	BL	Kiên Giang	Nghêu lụa *(Paphia undulata)*

Chương trình giám sát an tòan vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ

- Giám sát mẫu nước, mẫu NT2MV:

Vùng thu hoạch	Số điểm lấy mẫu	Số mẫu	
		Mẫu NT2MV	Mẫu nước
Tiền Hải	1	29	52
Giao Thủy	1	26	52
Nghĩa Hưng	1	28	56
Kim Sơn	1	26	52
Hậu Lộc Nga Sơn	1	29	52
Tân Thành	1	29	58
Bình Đại	2	54	108
Ba Tri	1	27	54
Thạnh Phú	1	27	54
Duyên Hải	1	13	26
Cầu Ngang	1	23	30
Hiệp Thạnh	1	23	46
Bà Lụa	1	33	56
Tổng		**367**	**696**

Chỉ tiêu	Số lượt mẫu phân tích
Tảo độc (tế bào/lít)	
Alexandrium spp	676
Gymnodinium catenatum	676
Dinophysis acuminata	676
Dinophysis caudata	690
Prorocentrum lima	676
Protoceratium spp.	676
Pseudonitzchia spp.	682
Độc tố sinh học	
PSP	338
Lipophilic	345
ASP	341
Vi sinh vật	
E. coli (MPN/100g)	170
Salmonella /25g	12
Norovius	12
Kim loại nặng	
Pb	26
Hg	26
Cd	26
Thuốc trừ sâu gốc chlor	
Aldrin	26
Dieldrin	26
Endrin	26
Heptachlor	26
DDT	26
Chlordane	26
BHC	26
Lindane	26
Tổng lượt phân tích	**6256**

Giám sát ATTP nông lâm thủy sản tiêu thụ trên thị trường (Theo Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT)

❖ **Mục tiêu của chương trình giám sát:**

- *Đánh giá mức độ ATTP của một số thực phẩm nông sản, thủy sản chế biến.*
- *Kết quả giám sát là căn cứ để triển khai công tác thanh tra, kiểm tra ATTP cơ sở chế biến nông sản, thủy sản*

❖ ***Căn cứ:***

- *Luật An toàn thực phẩm; Nghị định số 15/2018/NĐ-CP*
- *Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản lưu thông, tiêu thụ trong nước thuộc quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT*
- *Các Thông tư, TCVN, QCVN, quy định của Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế.*

Giám sát ATTP nông lâm thủy sản tiêu thụ trên thị trường (Theo Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT)

❖ **Phương thức và nội dung giám sát**

Lấy mẫu ngẫu nhiên để kiểm nghiệm, đánh giá sự phù hợp so với quy định, quy chuẩn kỹ thuật

❖**Cơ quan thực hiện:** *Chi cục Quản lý CL NLS&TS/ Cơ quan chuyên môn thuộc Sở NN&PTNT:*

- Chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình giám sát thực phẩm nông sản, thủy sản tại công đoạn lưu thông, tiêu thụ tại địa phương;

- Thực hiện lấy mẫu; truy xuất, xử lý mẫu giám sát có kết quả kiểm nghiệm không bảo đảm an toàn thực phẩm.

Giám sát ATTP nông lâm thủy sản tiêu thụ trên thị trường (Theo Thông tư 08/2016/TT-BNNPTNT)

❖ **Phạm vi:**

Nông lâm thủy sản được lưu thông, tiêu thụ tại:

- Chợ đầu mối, chợ đấu giá nông sản, thủy sản (chợ);

- Cơ sở thu gom, phân phối, cơ sở chuyên doanh; hàng có bao gói ghi nhãn bán tại các siêu thị, đại lý, cửa hàng kinh doanh...

❖**Đối tượng:**

- Nông sản (động vật, thực vật) và sản phẩm nông sản;

- Thủy sản và sản phẩm thủy sản;

- Tập trung vào sản phẩm chế biến, có bao gói, ghi nhãn

III. CÁC PHÒNG KIỂM NGHIỆM

1. Hệ thống Phòng kiểm nghiệm

Bộ NN&PTNT đã chỉ định **35** phòng kiểm nghiệm thực hiện kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng và an toàn thực phẩm sản phẩm nông sản và thủy sản.

- **Cục Bảo vệ Thực vật**: Có **02** phòng kiểm nghiệm trực thuộc được công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện kiểm nghiệm chỉ tiêu dư lượng thuốc BVTV và kim loại nặng trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật.
- **Cục Thú y:** Có **04** phòng kiểm nghiệm trực thuộc được công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025 thực hiện kiểm nghiệm chỉ tiêu an toàn thực phẩm trong sản phẩm có nguồn gốc động vật.

1. Hệ thống Phòng kiểm nghiệm (tiếp)

Trong đó, **NAFIQPM**: Có **06 phòng** kiểm nghiệm:

- Được công nhận đạt Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 từ năm 2002,
- Tổng số chỉ tiêu đã được công nhận theo ISO 17025 tại 06 phòng kiểm nghiệm: 92-140 chỉ tiêu, gồm các chỉ tiêu hóa học đặc biệt (dư lượng hóa chất kháng sinh, độc tố sinh học), chỉ tiêu hóa học thông thường; vi sinh vật trong thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn, thực vật, thủy sản.
- Các phòng kiểm nghiệm đều đạt kết quả tốt trong thử nghiệm thành thạo quốc tế (FEPAS, FAPAS của U.K., Agri-quality…)
- Trang thiết bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu quản lý: HPLC (PDA, Fluorescent, UV), LC/MS-MS, GC-MS, GC (với đầu dò ECD), AAS, ELISA, PCR, Real-time PCR, Hệ thống phân tích đồng vị phóng xạ (γ),ICP-MS
- Được MFDS- Hàn Quốc công nhận là phòng kiểm nghiệm nước ngoài của MFDS vào năm 2004, công nhận lại năm 2008.

1. Hệ thống Phòng kiểm nghiệm (tiếp)

Một số thiết bị kiểm nghiệm của NAFIQPM

No.	Equipments	Quantity
1	HPLC (PDA, Fluorescent, UV-Vis detector	11
2	LC-MS/MS	11
3	GC-MS/MS	02
4	GC-HRMS	01
5	GC (MS, ECD, FID, NPD detector)	08
6	AAS	01
7	ICP-MS	06
8	PCR	07
9	Real-time PCR	02
10	Testing set on fish tissue	02
11	Isotope-radiation analysis system	01
12	ELISA	07
13	Automated Elisa system	02
14	Ion-exchange chromatography	02

IV. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT VÀ CHỨNG NHẬN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM

1. Kiểm soát ATTP thủy sản xuất khẩu

a. Tổ chức thực hiện: **Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường (NAFIQPM)**

b. Căn cứ:

- Luật ATTP năm 2010;
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm
- Các Thông tư của Bộ NN&PTNT

Thẩm định, chứng nhận điều kiện bảo đảm ATTP cơ sở SXKD thủy sản

- Kiểm tra công nhận điều kiện đảm bảo ATTP đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản (thực hiên HACCP là bắt buộc).
- Phân loại: 1,2,3 (đạt yêu cầu) và 4 (không đạt).
- Tần suất kiểm tra định kỳ: 1 – 2 lần/năm.
- Lập danh sách các cơ sở SXKD thủy sản được phép xuất khẩu vào các thị trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc Thỏa thuận hợp tác giữa hai nước về lĩnh vực kiểm soát ATTP thủy sản.

Số lượng cơ sở được công nhận đủ điều kiện đảm bảo ATTP trong sản xuất, kinh doanh thủy sản

TT	Thị trường	Năm 2022	Đến 8/2023
1	Vietnam (meeting national technical regulation)	842	874
2	EU/Switzerland/Norway	668	684
3	Korea	851	874
4	China	803	808
5	Russia	83	83
6	Brazil	165	165
7	Argentina	212	212
8	Indonesia	842	518
9	Taiwan	691	691

Kiểm tra chứng nhận ATTP đối với lô hàng thủy sản xuất khẩu:

- Theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu hoặc theo thỏa thuận hợp tác giữa cơ quan thẩm quyền của hai nước về kiểm soát ATTP thủy sản (EU, Hàn quốc, Trung quốc, LB Kinh tế Á-Âu, Braxin, Indonesia…).
- Theo quy định của Việt Nam (đối với một số trường hợp đặc biệt)
- Theo yêu cầu của khách hàng

Xử lý lô hàng bị Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu cảnh báo vi phạm quy định về ATTP

- Cơ sở sản xuất truy xuất, điều tra nguyên nhân; thiết lập và thực hiện hành động khắc phục phù hợp; báo cáo kết quả
- Cơ quan kiểm tra thẩm tra báo cáo của Cơ sở, thực hiện kiểm tra đột xuất tại Cơ sở (khi cần thiết).
- Áp dụng chế độ kiểm tra chặt chỉ tiêu bị cảnh báo hoặc tạm đình chỉ xuất khẩu nếu Cơ quan thẩm quyền nước NK có yêu cầu.

- Điều kiện dỡ bỏ: kết quả điều tra cơ sở đã xác định được nguyên nhân lây nhiễm, thiết lập và thực hiện hành động khắc phục phù hợp, đồng thời kết quả lấy mẫu thẩm tra chỉ tiêu bị cảnh báo của 05 lô hàng đạt yêu cầu.

2. Kiểm dịch và kiểm tra ATTP động vật và sản phẩm thủy sản nhập khẩu, động vật và sản phẩm động vật trên cạn xuất nhập khẩu dùng làm thực phẩm

a. Tổ chức thực hiện: **Cục Thú y (DAH)**
b. Thực hiện kiểm dịch các sản phẩm có nguồn gốc động vật theo quy định của Việt Nam và phù hợp với quy định chung của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE)
c. Thực hiện kiểm tra ATTP các sản phẩm có nguồn gốc động vật theo quy định của Việt Nam
d. Căn cứ:

- Luật Thú y năm 2004
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP, Nghị định 80/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm
- Các Thông tư của Bộ NN&PTNT

3. Kiểm dịch và kiểm tra ATTP sản phẩm thực vật xuất nhập khẩu dùng làm thực vật

a. Tổ chức thực hiện: **Cục Bảo vệ Thực vật (PPD)**
b. Thực hiện kiểm dịch các sản phẩm thực vật theo quy định của Việt Nam và phù hợp với quy định của Công ước quốc tế bảo vệ thực vật –IPPC
c. Thực hiện kiểm tra ATTP các sản phẩm có nguồn gốc động vật theo quy định của Việt Nam
d. Căn cứ:

- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm
- Các Thông tư của Bộ NN&PTNT

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

NAFIQPM có một số đề xuất như sau:

➢ ***Hỗ trợ lấy ý kiến góp ý đối với hồ sơ đề nghị sửa đổi bổ sung mức giới hạn ATTP lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT***

- Theo phân công của Bộ, NAFIQPM đã thành lập Tổ công tác (đại diện Cục chuyên ngành - DAH, PPD và vụ Pháp chế, Vụ KHCN&MT) rà soát, đề xuất mức giới hạn ATTP đối với các nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ.
- Góp ý chuyên gia; phối hợp tổ chức Hội thảo xin ý kiến rộng rãi góp ý đề xuất sửa đổi, bổ sung mức giới hạn ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

➢ ***Hỗ trợ góp ý chuyên gia đối với dự thảo Sổ tay thiết lập và triển khai các Chương trình giám sát dư lượng các chất độc lại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi; Chương trình giám sát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể hai mảnh vỏ***

- Trong thời gian gần đây, thị trường EU đã có một số thay đổi các quy định liên quan đến việc triển khai các chương trình giám sát, một số quốc gia như Hoa Kỳ, Canada… đã tập trung nghiên cứu đánh giá việc triển khai chương trình giám sát nêu trên tại Việt Nam.
- NAFIQPM đã thành lập nhóm rà soát, đề xuất sửa đổi Sổ tay thực hiện Chương trình Dư lượng và Chương trình NT2MV đề phù hợp với các quy định của thị trường nhập khẩu và phù hợp với thực tế. Theo kế hoạch, đến cuối năm 2023, Nhóm công tác sẽ hoàn thiện bản đề xuất sửa đổi bổ sung cho các Sổ tay thực hiện các chương trình giám sát.

XIN TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN!